TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/4/2018.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn, nuôi con"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà **Nguyễn Anh Thư.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Tô Ngọc Liêm.**

Bà **Hoàng Thị Thiện Lai**.

- *Thư ký phiên tòa***:** Bà **Trần Thị Kim Trang**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 605/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Cư trú: 5341^{B}, ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **Cao Văn T**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T đám cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do mai mối và được cha mẹ hai bên quyết

định. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2010 đến nay. Thời gian vợ chồng không sống chung, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không tìm thấy hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với chồng là Cao Văn T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2004 và Cao Nguyễn Tường V, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2008. Hiện nay, cháu H, cháu V đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Trong khoảng thời gian vợ chồng không sống chung, ông T không tới lui thăm nom con, không phụ tiếp chi phí nuôi dưỡng con.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn ông Cao Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị V và ông Cao Văn T kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà V và ông T đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Mặt khác, trong thời gian ly thân, ông T và bà V không liên lạc và không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục việc sống chung với nhau, nên bà V yêu cầu ly hôn đối với ông T là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2004 và Cao Nguyễn Tường V, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2008. Hiện nay, cháu H, cháu V đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu H và cháu V đang sinh sống với bà V phát triển bình thường, hơn nữa cả cháu H và cháu V có nguyện vọng được sống với bà

V. Để đảm bảo cho hai cháu có điều kiện được phát triển và ổn định cuộc sống, nghĩ nên để bà V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị V khởi kiện ông Cao Văn T, ông T có nơi cư trú ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Ông Cao Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết nhận số 154 ngày 15 tháng 9 năm 2003 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về việc bà V xin ly hôn và triệu tập ông T tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà V. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà V và ông T đã diễn ra trong thời gian dài nguyên nhân do vợ chồng không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2010 đến nay, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, điều này phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án ngày 02/02/2018. Tình cảm vợ chồng giữa bà V và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị V là phù hợp.

[4] Về quan hệ con chung: Bà V xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2004 và Cao Nguyễn Tường V, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2008. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H và cháu V. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay, cháu H và cháu V đang được bà V chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Bà V yêu cầu được nuôi con chung, ông T cũng không có ý kiến phản đối. Bên cạnh đó,

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu H và cháu V và nguyện vọng của các cháu muốn được sống với bà V. Do đó, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà V là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu V là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ nợ chung: Bà V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với ông Cao Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Cao Văn T.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Cao Gia H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2004 và Cao Nguyễn Tường V, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2008. Hiện nay, cháu H, cháu V đang được bà V chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận bà Nguyễn Thị V xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà V và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng bà Nguyễn Thị V phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0018894 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị V có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Cao Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận: - TAND tỉnh An Giang; - VKSND huyện C; - UBND xã Mỹ Luông (nay là UBND TT. Mỹ Luông); - Các đương sự; - Lưu./.		**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **Nguyễn Anh Thư**


